

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HAI BÀ TRUNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2019/DS-ST**

Ngày: 21/11/2019

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Hữu Nam**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Lê Văn Châu**

Ông **Vũ Mạnh Huê**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Lệ Phương** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng** tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hoài Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T**

Trụ sở: Số ..., phố L, phường L, quận D, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **NCD** - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **HAT**, ông **DTT** - Phó Giám đốc Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ, ông **PTA** - Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân, Ngân hàng T hội sở, theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **NDN**, ông **TNDA**, ông **LMTA** - Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng ..., Tòa nhà T, số ..., phố T, phường T, quận N, thành phố Hà Nội. Theo Văn bản ủy quyền số 2082/2019/UQ-VPB ngày 14/3/2019. - *Có mặt ông DA.*

2. Bị đơn: Anh **VĐH**, sinh năm 19...

Nơi ĐKKH thường trú: Thôn D, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi tạm trú: Số ..., đường N, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. - *Có mặt*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện ngày 28/3/2019, Bản tự khai ngày 14/8/2019, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP T** trình bày:

Ngày 18/4/2017, tại Ngân hàng TMCP T, Chi nhánh Hà Nội, Phòng giao dịch B, địa chỉ Tầng..., Tòa nhà V, phường D, quận C, thành phố Hà Nội, anh **VĐH** ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số TP/VN0010324/201704/90256 với nội dung: Số tiền vay: 40.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn: 28%/năm, cơ chế điều chỉnh lãi suất thực hiện theo phê duyệt cho vay của Ngân hàng T, cụ thể lãi suất được thay đổi 3 tháng/lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là 01/10/2017, bằng lãi suất bán vốn (biên độ) + 20%, lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, loại hình cho vay: tín chấp, thời hạn vay: 36 tháng, mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng. Phương thức trả nợ: Khách hàng phải trả nợ gốc và tiền lãi vào ngày mùng 01 hàng tháng, số tiền phải trả được ấn định tại lịch trả nợ. Ngày 25/4/2017, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản 121783819 của anh H mở Ngân hàng T.

Thực hiện hợp đồng, anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả nợ đúng và đủ theo lịch trả nợ. Ngày 02/01/2018 là lần cuối cùng anh H trả nợ trong hạn. Từ ngày 01/02/2018, Ngân hàng chuyển khoản vay trên sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 19/4/2019, anh H đã trả được 6.319.201 đồng nợ gốc, 7.582.011 đồng tiền lãi trong hạn và 21.467 đồng phạt chậm trả lãi.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh H thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan tạm tính đến ngày 19/4/2019 khoản tiền này là: Nợ gốc: 33.680.799 đồng, tiền lãi trong hạn: 582.261 đồng, tiền lãi quá hạn: 17.098.108 đồng, phạt chậm trả lãi: 1.243.517 đồng, tổng số tiền: 52.604.685 đồng và tiếp tục tính lãi, phạt chậm trả theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày anh H thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T.

Bị đơn là anh **VĐH** đã được tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa để anh H biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng TMCP T yêu cầu Tòa án giải quyết; đồng thời Tòa án triệu tập anh H đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, anh H không có mặt theo thông báo triệu tập để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất. Tiếp theo, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai đối với anh H.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP T yêu cầu Tòa án buộc anh H phải trả tổng số tiền tính đến ngày 21/11/2019 là 62.570.412 đồng, gồm nợ gốc: 33.680.799 đồng, tiền lãi trong hạn: 582.261 đồng, tiền lãi quá hạn: 25.642.366 đồng, phạt chậm trả lãi: 2.664.986 đồng và tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày anh H thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T.

Anh **VĐH** xác nhận số nợ gốc, nhưng cho rằng số tiền lãi quá hạn là cao, hiện anh không có khả năng trả một lần hết số nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T, buộc anh H phải trả tổng số tiền tính đến ngày 21/11/2019 là: 62.570.412 đồng, gồm nợ gốc: 33.680.799 đồng, tiền lãi trong hạn: 582.261 đồng, tiền lãi quá hạn: 25.642.366 đồng, phạt chậm trả lãi: 2.664.986 đồng. Về án phí: Tòa án xác định án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP T khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với anh VĐH đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên, đăng ký tạm trú tại số ..., đường N, phường V, quận H, thành phố Hà Nội, theo đúng địa chỉ ghi trong Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2017, Sổ tạm trú của anh H và được Công an phường V xác nhận tại văn bản số 7749 ngày 18/02/2019 theo đề nghị của Ngân hàng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng tín dụng: Ngày 18/4/2017, anh VĐH ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số TP/VN0010324/201704/90256 với nội dung đề nghị Ngân hàng TMCP T, Chi nhánh Hà Nội, Phòng giao dịch B cho vay số tiền 40.000.000 đồng. Kèm theo giấy đăng ký vay là Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử. Anh H đã ký văn bản xác nhận được cung cấp thông tin và tuân thủ các thỏa thuận khi vay vốn. Ngày 25/4/2017, Phòng giao dịch B phê duyệt chấp nhận đề nghị vay vốn của anh H như sau: Số tiền được vay là 40.000.000 đồng; lãi suất cho vay trong hạn 28%/năm được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng T + biên độ 20; thời hạn vay 36 tháng; loại hình cho vay tín chấp; phương thức trả nợ khách hàng phải trả nợ gốc và tiền lãi vào ngày mùng 01 hàng tháng, số tiền phải trả được ấn định tại lịch trả nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn; khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả theo công thức số tiền lãi chậm trả x số ngày chậm trả x 10%/năm. Xét thấy, hai bên ký kết hợp đồng tín dụng có nội dung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên hợp đồng có hiệu lực từ

ngày 25/4/2017 và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[3] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Thực hiện hợp đồng, ngày 25/4/2017 Ngân hàng TMCP T, Chi nhánh Hà Nội, Phòng giao dịch B đã giải ngân số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản số 121783819 của anh VĐH mở tại Ngân hàng T. Theo lịch trả nợ, từ ngày 01/6/2017 đến ngày 01/4/2020, anh H phải trả nợ vào ngày mùng 01 hàng tháng. Tuy nhiên, anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, từ ngày 01/6/2017 đến ngày 14/12/2017 chỉ trả được số nợ gốc là 5.442.857 đồng. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Phần II của Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử, Ngân hàng TMCP T có quyền thu hồi toàn bộ dư nợ vay còn lại của khách hàng trước thời hạn trong trường hợp: “Khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ gốc, kỳ trả nợ lãi nào theo thỏa thuận của các bên”. Từ ngày 01/02/2018, Ngân hàng TMCP T chuyển khoản vay trên sang nợ quá hạn. Ngày 12/4/2018, anh H đã trả thêm được 876.344 đồng nợ gốc. Tính đến nay, anh H đã trả tổng số nợ gốc là 6.319.201 đồng, chưa trả số nợ gốc là 40.000.000 đồng - 6.319.201 đồng = 33.680.799 đồng. Xét thấy, yêu cầu đòi nợ gốc của Ngân hàng TMCP T là có cơ sở và anh H xác nhận là đúng, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án buộc anh H thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số nợ gốc là 33.680.799 đồng.

[4] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP T đã ban hành các Quyết định áp dụng biểu lãi suất điều chuyển vốn nội bộ số 722 ngày 26/9/2017, số 1020 ngày 29/12/2017, số 235 ngày 28/3/2018, số 458 ngày 19/6/2018, số 781 ngày 26/9/2018, số 991 ngày 06/12/2018, số 393 ngày 14/6/2019 và số 637 ngày 22/8/2019 làm căn cứ xác định lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất quá hạn, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi. Tính đến ngày 21/11/2019, anh VĐH đã trả được số tiền lãi trong hạn là 5.582.011 đồng và số tiền phạt chậm trả lãi 21.467 đồng. Xét thấy, Ngân hàng TMCP T tính tiền lãi trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả lãi đúng với thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng tín dụng, nên được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án buộc anh H thanh toán cho Ngân hàng TMCP T các khoản tiền lãi tính đến ngày 21/11/2019 gồm tiền lãi trong hạn là 582.261 đồng, tiền lãi quá hạn là 25.642.366 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 2.664.986 đồng.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu Ngân hàng TMCP T được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, Ngân hàng TMCP T được trả lại số tiền 1.148.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, anh VDH phải chịu số tiền 3.128.520 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T về việc đòi anh VDH trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số TP/VN0010324/201704/90256 ngày 18/4/2017, được chấp thuận ngày 25/4/2017.

Buộc anh VDH phải trả Ngân hàng TMCP T tổng số tiền tính đến ngày 21/11/2019 là: 62.570.412 đồng (Sáu mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm mười hai đồng), gồm nợ gốc là 33.680.799 đồng (Ba mươi ba, sáu trăm tám mươi nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng), tiền lãi trong hạn là 582.261 đồng (Năm trăm tám mươi hai nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng), tiền lãi quá hạn là 25.642.366 đồng (Hai mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm sáu

mười sáu đồng), tiền phạt chậm trả lãi là 2.664.986 đồng (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

### 3. Về án phí:

3.1. Trả lại Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.148.000 đồng (Một triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002665 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3.2. Anh VĐH phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.128.520 đồng (Ba triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Ngân hàng TMCP T, anh VĐH có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### *Nơi nhận:*

- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hữu Nam**